

Bản án số:1255/2022/HNGĐ-ST

Ngày:15/12/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 903/2022/HNST ngày 31 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 876/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Nguyễn FSFSFS– sinh năm 1990

Bị đơn : Bà Đặng TFSDFSDF– sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: FF, phường FSDF, quận FSDF, Tp.HFSDF

(Tại phiên tòa, ông FSFSFS– có đơn xin vắng mặt, bà TFSDFSDF– có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2022, bản tự khai ngày 31/8/2022, nguyên đơn ông FSFSFStrình bày : ông và bà TFSDFSDFcó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường FSDFSD quận FSDFS, thành phố FSFSD

Về mâu thuẫn gia đình : ông và bà TFSDFSDFkhông phù hợp về cách sống, hôn nhân thường phát sinh tranh chấp. Mặc dù đã nhiều lần ngồi lại để hàn gắn nhưng hai bên vẫn bất đồng, không hòa thuận. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà FSDFSD.

Về con chung : ông và bà TFSDFSDFcó một người con chung tên Nguyễn FSFSD– sinh ngày 03/9/2017, ông giao con chung cho bà TFSDFSDFnuôi dưỡng và cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Về tài sản chung : tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : ông xác nhận không có

Ngày 30/9/2022, ông FSFSFSnộp đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, hòa giải và phiên họp, phiên tòa có liên quan đến vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022 và tại các buổi mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Đặng TFSDFSDFtrình bày : bà và ông FSFSFS tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường FSDF, quận FSDF, thành FSDFSD

Về mâu thuẫn gia đình : bà xác nhận ông FSFSFS có người phụ nữ khác bên ngoài nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn vì vẫn mong muốn tiếp tục hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Về con chung : bà và ông FSFSFS có một người con chung tên Nguyễn FSFSĐ– sinh ngày 03/9/2017. Nếu giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông FSDFSD phải cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung : vợ chồng tự giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngày 02/12/2022 nguyên đơn ông FSFSFS có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, cam kết vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và có trình bày thêm về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn bà Đặng TFSDFSDF vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến chính như sau:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên vẫn còn vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, ngày 02/12/2022 chuyển hồ sơ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát để ngày 15/12/2022 xét xử là chưa phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vi phạm này không ảnh hưởng đến thủ tục tố tụng và nội dung của vụ án, kiến nghị Tòa án khắc phục việc vi phạm quy định Điều 203 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung : Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2016 ngày 04/5/2016 do Ủy ban nhân dân phường FSFD, quận FSDF, thành phố FSFSĐ cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa ông FSFSFS và bà Đặng TFSDFSDF là quan hệ hôn nhân được điều chỉnh bởi

Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay, các đương sự đang thực tế cư ngụ tại quận FSF, thành phố FSDFSĐ nên Tòa án nhân dân quận FGSD, thành phố FSDFSĐ thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: nguyên đơn ông FSFSFS có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và cam kết không thay đổi ý kiến. Căn cứ theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn FDFSĐ

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình : “... 1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Các bên đương sự đã tự xác nhận mâu thuẫn trong hôn nhân. Nguyên đơn ông FSFSFS xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, lấy lời khai, hòa giải và phiên họp, phiên tòa có liên quan đến vụ án này. Bị đơn bà TFSDFSDF yêu cầu đoàn tụ nhưng vẫn không nêu được lý do và phương cách giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét việc chấp nhận ly hôn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn FDFSFGSD

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung : các bên đương sự cùng xác nhận có một người con chung tên Nguyễn FSFSĐ – sinh ngày 03/9/2017. Các bên đương sự cùng thống nhất con chung giao cho bà TFSDFSDF trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 02/12/2022, nguyên đơn ông FSFSFS trình bày như sau : “... Tôi làm sản xuất rừng sứ, khi có đơn hàng mới có tiền, thu nhập không ổn định, có tháng làm chưa tới 10.000.000 đồng nhưng có tháng cũng hơn. Tháng cao nhất có thể lên đến 18.000.000 đồng nên mức cấp dưỡng 10.000.000 đồng là mức cấp dưỡng ở khả năng tôi có được...”. Bên cạnh đó, bị đơn bà TFSDFSDF vẫn không cung cấp được cho Tòa án nhân dân quận Tân Phú các tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập trung bình hằng tháng của ông FSFSFS theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1723/2022/QĐ-CTTLC ngày 21/10/2022. Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú đã hỏi bị đơn bà TFSDFSDF có yêu cầu hoãn phiên tòa và có đề nghị tòa án thu thập chứng cứ về thu nhập trung bình hằng tháng của ông FSFSFS để xem xét phần cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà TFSDFSDF không đồng ý, từ chối hoãn phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc xem xét mức cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 10.000.000 đồng là hợp lý.

Về tài sản chung : các bên đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: nguyên đơn ông FSFSFS xác nhận không có, bị đơn bà TFSDFSDF xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần nợ chung trong vụ án này.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn FFSDF

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phí cấp dưỡng nuôi con chung do ông FSFSFS phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn FSDFSDF

- Về quan hệ hôn nhân: ông FSFSFS được ly hôn với bà Đặng FSDFSDF. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2016, ngày 04/5/2016 do Ủy ban nhân dân phường FSDFSDF, quận FSDFS thành phố FSDF cấp cho các đương sự không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: giao con chung tên Nguyễn FSFSDF – sinh ngày 03/9/2017 cho bà Đặng FSDFSDF trực tiếp nuôi dưỡng. Ông FSFSFS cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Bắt đầu thi hành kể từ ngày án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Kể từ ngày người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng, nếu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông FSFSFS có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông FSFSFS phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0036079 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông FSFSFS phải nộp số tiền còn lại là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà Đặng FSDFSDF không phải nộp án phí. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền